

Bản án số: 66/2019/HS-ST
Ngày 06- 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Phú và bà Nguyễn Thị Kim Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quang - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2019/TLST - HS ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST – HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Dương Văn T, sinh năm 1995; tại V; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh V; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T2 và bà Dương Thị S; vợ con: Chưa có; Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

***Người bị hại:**

Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1997, có đơn xin xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 46, xã U, huyện Đ, Thành phố H;

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1997, có đơn xin xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B;

Chị Trịnh Lan H2, sinh năm 2000, có đơn xin xử vắng mặt

Địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh L.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Hoàng Thế B, sinh năm 1995, có đơn xin xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh V;

Nơi làm việc: Cửa hàng sửa chữa máy tính 555, phố K tổ 1, phường X, thành phố P, tỉnh V.

Anh Dương Văn T, sinh năm 1992 “ có mặt”;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thành phố P, V.

*Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000, “vắng mặt”

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000, “vắng mặt”

Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18 tháng 01 năm 2019, do thiếu tiền tiêu sài, nên Dương Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Dương Văn T đi bộ về phòng của mình tại Y1, phường X, thành phố P cầm theo 01 cờ lê mã 19, sau đó đi bộ đến ký Tc xá sinh viên trường Đại học H thuộc tổ 4, phường X, thành phố P để trộm cắp tài sản. T đi lên tầng 4 nhà S3 dùng cờ lê phá khóa móc cửa phòng S3.4.2 rồi vào phòng trộm cắp 01 laptop nhãn hiệu DELL màu đen để vào 01 ba lô bằng vải màu đen bị rách của chị Trịnh Lan H. Sau đó, T tiếp tục đi xuống tầng 2 dùng cờ lê phá khóa cửa phòng S3.2.12 trộm cắp tiếp 01 laptop nhãn hiệu ASUS màu đen loại Core i5 -540 của chị Nguyễn Thị V. T đi sang tiếp phòng S3.2.11 ở cạnh đó, dùng cờ lê phá khóa cửa rồi vào phòng trộm cắp số tiền 1.300.000đ để trong chiếc ba lô của chị Nguyễn Thị Thanh H. Đến ngày 19/01/2019, T đem 02 laptop nêu trên đến cửa hàng mua bán máy tính 555 ở phố Kim Đồng, tổ 1, phường X, thành phố P gặp anh Hoàng Thế B là chủ cửa hàng để bán 02 chiếc máy tính trên. T nói với anh Biên laptop của T không dùng muốn bán để mua máy mới nên anh Biên đồng ý mua 02 chiếc laptop nêu trên với giá 2.000.000đ (trong đó laptop nhãn hiệu ASUS bán với giá 1.500.000đ và laptop nhãn hiệu DELL bán với giá 500.000đ). Số tiền 2000.000đ trên T đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 22/01/2019 anh Biên đã bán chiếc máy tính 01 máy nhãn hiệu ASUS màu đen loại Core i5 đời 2010 cho một khách không quen biết, đến nay không thu hồi được.

*Vật chứng liên quan đến vụ án gồm:

01 máy nhãn hiệu ASUS màu đen loại Core i5 -540 đời 2010 của chị Nguyễn Thị V không thu hồi được; 01 máy nhãn hiệu DELL màu đen loại Pentium đời 2010 thu hồi được đã trả lại cho chị Trịnh Lan H; 03 chiếc khóa đã cũ (gồm 01 chiếc màu đen; 02 chiếc màu bạc) đã trả cho người bị hại; 01 cờ lê mã 19 của Dương Văn T và 01 ba lô bằng vải màu đen đã rách của chị H2do T vứt dọc đường nên không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 26/3/2019, Hội đồng định giá tài sản thành phố Kết luận: Chiếc laptop nhãn hiệu ASUS màu đen loại Core i5-540 đời 2010, đã qua sử dụng trị giá 2.000.000đ; 01 laptop nhãn hiệu DELL màu đen loại Pentium, sản xuất năm 2009 trị giá 1.500.000đ; 01 chiếc ba lô bằng vải đã qua sử dụng bị rách trị giá 20.000đ; 01 ổ khóa Việt tiếp loại nhỏ bị hỏng, màu đen trị giá 5.000đ; 02 ổ khóa Việt tiếp loại nhỏ bị hỏng, màu bạc trị giá 12.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSTP PY ngày 12/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đã truy tố Dương Văn T tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bị hại là chị Trịnh Lan H, chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nhưng trong giai đoạn điều tra, các chị đã có trình bày xác nhận tài sản bị mất, các chị đã nhận lại tài sản, tiền bị mất và đã được bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được. Nay các chị H, chị H2 và chị V đều có đơn bãi nại xin không truy cứu trách nhiệm đối với T và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Thế B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong giai đoạn điều tra anh Biên đã khai: Anh không biết 02 chiếc máy tính mua được của T là tài sản do T trộm cắp được. Sau khi biết, anh đã trả lại chiếc máy tính nhãn hiệu DELL màu đen loại Pentium cho Dương Văn T là anh trai T để trả lại cho người bị hại. Còn số tiền 500.000đ anh đã đưa cho T khi mua 01 chiếc máy tính nhãn hiệu DELL, anh không yêu cầu T phải bồi thường gì.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn T trình bày: T là người đã gọi điện nói với anh về việc trộm cắp tài sản và nhờ anh bồi thường cho những người bị hại. Tổng số tiền anh đã thay T bồi thường cho những người bị hại là 6.800.000đ, trong đó trả cho chị Hòa 1300.000đ, chị Vy 5000.000đ và chị H2 500.000đ. Nay Anh không yêu cầu T phải trả cho anh số tiền trên, anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Dương Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Dương Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo; trách nhiệm dân sự không xem xét; ngoài ra còn đề nghị buộc bị cáo T còn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai: Khoảng 19 giờ ngày 18/01/2019, tại ký Tc xá trường Đại học H thuộc tổ 4, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, Dương Văn T đã dùng cờ lê phá khóa cửa phòng S3.4.2; phòng S3.2.12 và phòng S3.2.11 của các chị Trịnh Lan H, chị Nguyễn Thị V và chị Nguyễn Thị Thanh H trộm cắp được 02 chiếc máy tính xách tay, 01 ba lô đã qua sử dụng và số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 4.820.000đồng.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, Bản ảnh thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của Dương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như sau:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự cũng như làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố Phúc Yên. Do vậy phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Bị cáo được gia đình nuôi ăn học hết lớp 8, hiện đang đi làm công nhân, vì thiếu tiền tiêu xài cho bản thân nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và bị cáo đã tác động anh trai bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 6800.000.000đ. Nay người bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51

của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa cho thấy Dương Văn T đang làm công nhân thu nhập thấp, không có tài sản gì có giá trị, không có nhà đất được đứng tên do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với anh Hoàng Thế B khi mua 02 chiếc máy tính của T, anh Biên không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh Biên là có căn cứ cần chấp nhận. Anh Biên tự nguyện giao nộp tài sản để T trả lại cho bị hại và không yêu cầu T phải trả lại số tiền là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Dương Văn T anh trai T, đã tự nguyện bồi thường thay cho T số tiền 6.800.000đ và không yêu cầu T phải trả lại tiền cho mình do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Những người bị hại trong vụ án chị H, chị H2 và chị V đã nhận được nhận lại tài sản và được bồi thường, nay các chị không có yêu cầu gì đối với bị cáo T Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người bị hại đều có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Chiếc cà lê mã 19 của Dương Văn T và 01 ba lô bằng vải màu đen đã rách của chị H2 do T vứt dọc đường nên không thu hồi được. Nay chị H2 không đề nghị T phải bồi thường chiếc Tì này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại tài sản hợp pháp cho người bị hại trong giai đoạn điều tra, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo Dương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dương Văn T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- CQĐT – Công an thành phố P;
- Cơ quan THAHS Công an T.P. Phúc Yên;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Chi cục THA. Dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND xã Cao Minh, Phúc Yên, V;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy

